

**PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG  
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2021**

*Nguyễn Tuấn Quang<sup>1</sup>, Nguyễn Cẩm Vân<sup>1</sup>  
Nguyễn Minh Thông<sup>1</sup>, Đàm Thị Lâm<sup>2</sup>*

**Tóm tắt**

**Mục tiêu:** Phân tích cơ cấu và phân tích theo phân loại ABC/VEN danh mục thuốc (DMT) sử dụng tại Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Quảng Ninh năm 2021. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả hồi cứu DMT sử dụng tại Bệnh viện từ ngày 01/01 - 31/12/2021. **Kết quả:** DMT sử dụng tại Bệnh viện năm 2021 có tổng giá trị > 98,5 tỷ đồng. Thuốc hóa dược chiếm 89,29% về số khoản mục và 99,06% về giá trị. Thuốc sản xuất trong nước chiếm 48,91% về số khoản mục và 38,37% về giá trị. Thuốc biệt dược gốc chiếm tỷ lệ 16,71% về số khoản mục và 23,81% về giá trị. Thuốc đơn thành phần chiếm 82,93% về số khoản mục và 77,72% về giá trị. Thuốc đường uống chiếm 48,18% về số khoản mục và 29,55% về giá trị. Các thuốc nhóm A, B, C chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 15,38%, 19,98%, 64,64% và 79,82%, 15,15%, 5,03%. Các thuốc nhóm V, E, N chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 14,04%, 62,47%, 23,49% và 15,81%, 69,99%, 14,20%. Các thuốc nhóm I, II, III chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 27,12%, 57,99%, 14,89% và 83,21%, 15,28%, 1,51%. **Kết luận:** Phân tích được cơ cấu và phân tích theo phân loại ABC/VEN DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021.

\* *Từ khóa:* Danh mục thuốc; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

**ANALYSIS OF THE LIST OF DRUGS USED AT QUANG NINH  
GENERAL HOSPITAL IN 2021**

**Summary**

**Objectives:** To analyze structure and the list of drugs according to ABC/VEN classification used at Quang Ninh General Hospital in 2021.

<sup>1</sup>Học viện Quân y

<sup>2</sup>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Người phản hồi: Nguyễn Tuấn Quang (dsquang2000@gmail.com)

Ngày nhận bài: 15/10/2022

Ngày được chấp nhận đăng: 02/11/2022

<http://doi.org/10.56535/jmpm.v47i9.206>

**Subjects and methods:** A retrospective description of the list of drugs used at the hospital from January 1<sup>st</sup> to the end of December 31<sup>st</sup>, 2021. **Results:** The list of drugs used in hospitals in 2021 has a total value of more than 98.5 billion VND. Pharmaceutical drugs accounted for 89.29% in quantity and 99.06% in value. Domestically produced drugs accounted for 48.91% in quantity and 38.37% in value. Brand-name drugs accounted for 16.71% in quantity and 23.81% in value. Single-component drugs accounted for 82.93% in quantity and 77.72% in value. Oral drugs accounted for 48.18% in quantity and 29.55% in value. Groups of A, B, C drug accounted for the corresponding proportions of quantity and value: 15.38%, 19.98%, 64.64% and 79.82%, 15.15%, 5.03%. Groups of V, E, N drug accounted for the corresponding proportions of quantity and value: 14.04%, 62.47%, 23.49% and 15.81%, 69.99%, 14.20%. Groups of I, II, III drugs accounted for the corresponding proportions of quantity and value: 27.12%, 57.99%, 14.89% and 83.21%, 15.28%, 1.51%. **Conclusion:** The structure and the list of drugs according to the ABC/VEN classification used at Quang Ninh General Hospital in 2021 were analyzed.

\* *Keywords:* List of drugs; Quang Ninh General Hospital.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viện là cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người bệnh, đồng thời là đơn vị khoa học có nghiệp vụ cao về y tế, trong đó thuốc có vai trò trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh. DMT bệnh viện là cơ sở để tiến hành công tác đấu thầu, cung ứng thuốc, đảm bảo nhu cầu điều trị, thanh toán cho người bệnh và cơ quan Bảo hiểm y tế. DMT bệnh viện hợp lý giúp cung ứng, thông tin thuốc, khám chữa bệnh dễ dàng và thuận tiện. Việc lựa

chọn và xây dựng DMT hợp lý luôn là nhiệm vụ hàng đầu của các bệnh viện, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và sử dụng đúng nguồn kinh phí của bệnh viện. Việc tiến hành phân tích DMT nhằm xác định những tồn tại trong hoạt động sử dụng thuốc, từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất giúp cho Hội đồng Thuốc và Điều trị của bệnh viện xây dựng DMT bệnh viện sát với nhu cầu điều trị, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm chi phí điều trị tại bệnh viện là rất cần thiết.

BVĐK tỉnh Quảng Ninh là BVĐK hạng I, tuyến cuối của tỉnh Quảng Ninh với quy mô > 1.200 giường bệnh, mỗi ngày thực hiện khám và điều trị cho > 1.000 bệnh nhân [2]. Năm 2018, Mai Huyền Trang đã thực hiện đề tài nghiên cứu “Phân tích DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2017” [7]. Tuy nhiên, sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 năm 2019 đã có những ảnh hưởng nhất định, làm thay đổi mô hình bệnh tật, lưu lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh; từ đó tác động đến việc sử dụng kinh phí của bệnh viện. Vì vậy, việc tiếp tục tiến hành nghiên cứu phân tích DMT sử dụng tại bệnh viện năm 2021 rất quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn với bệnh viện.

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng nghiên cứu**

DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh từ 01/01 - 31/12/2021.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

*\* Nội dung nghiên cứu:*

- Phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021:

Theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và vị thuốc cổ truyền; theo nhóm tác dụng; theo nguồn gốc, xuất xứ; theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic; theo thành phần và theo đường dùng.

- Phân tích DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021 theo phân loại ABC, phân loại VEN và ma trận ABC/VEN.

*\* Phương pháp nghiên cứu:*

Nghiên cứu mô tả hồi cứu.

*\* Kỹ thuật phân tích số liệu:*

- Phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại bệnh viện theo các bước:

+ Bước 1: Tổng hợp toàn bộ dữ liệu thu thập được về DMT sử dụng năm 2021 theo: Tên thuốc, hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, đường dùng, đơn vị tính, số lượng sử dụng, đơn giá, quốc gia sản xuất, nhà cung cấp...

- Bước 2: Tổng hợp số liệu theo các chỉ tiêu cần nghiên cứu: Xếp theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và vị thuốc cổ truyền; theo nhóm tác dụng; theo nguồn gốc, xuất xứ; theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic; theo thành phần; theo đường dùng.

- Phân tích DMT sử dụng tại bệnh viện theo phân loại ABC/VEN:

+ Phân loại ABC: Tiến hành theo các bước [4].

. Bước 1: Liệt kê các sản phẩm gồm N sản phẩm.

. Bước 2: Điền các thông tin cho mỗi sản phẩm. Đơn giá của từng sản phẩm ( $gi$ ) ( $i = 1, 2, 3... N$ ). Số lượng sản phẩm ( $qi$ ).

. Bước 3: Tính số tiền cho mỗi sản phẩm bằng cách nhân đơn giá với số lượng sản phẩm:

$$ci = gi \times qi$$

Tổng số tiền sẽ bằng tổng lượng tiền cho mỗi sản phẩm:  $C = \text{tổng } ci$ .

. Bước 4: Tính giá trị tiền thuốc (GTTT) % của mỗi sản phẩm bằng cách lấy số tiền của mỗi sản phẩm chia cho tổng số tiền:

$$pi = (ci/C) \times 100.$$

. Bước 5: Sắp xếp lại các sản phẩm theo thứ tự % GTTT giảm dần.

. Bước 6: Tính GTTT % tích lũy của tổng GTTT cho mỗi sản phẩm ( $k$ ): Bắt đầu với sản phẩm số 1, sau đó cộng các sản phẩm tiếp theo trong danh sách.

. Bước 7: Phân hạng sản phẩm: Hạng A gồm những sản phẩm chiếm

75 - 80% tổng GTTT ( $k$  từ 0 - 80%); hạng B gồm những sản phẩm chiếm 15 - 20% tổng GTTT ( $k$  từ 80 - 95%); hạng C gồm những sản phẩm chiếm 5 - 10% tổng GTTT ( $k > 95\%$ ).

+ Phân loại VEN: Gồm các bước [4, 9]:

. Bước 1: Thành viên Hội đồng sắp xếp các nhóm thuốc theo V, E, N.

. Bước 2: Kết quả phân loại được tập hợp và thống nhất.

. Bước 3: Lựa chọn và loại bỏ những phương án điều trị trùng lặp.

. Bước 4: Xem xét những thuốc thuộc nhóm N và hạn chế mua hoặc loại bỏ những thuốc này trong trường hợp không còn nhu cầu điều trị.

. Bước 5: Xem lại số lượng mua dự kiến, mua các thuốc nhóm V và E trước nhóm N và đảm bảo thuốc nhóm V và E có lượng dự trữ an toàn.

. Bước 6: Giám sát đơn đặt hàng và lượng tồn kho của nhóm V và E chặt chẽ hơn nhóm N.

+ Ma trận ABC/VEN: Phân tích dựa vào kết quả thu được sau khi phân loại ABC và VEN.

\* *Xử lý số liệu*: Bằng phần mềm Microsof Office Excel 2016.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

## 1. Kết quả phân tích cơ cấu DMT tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021

\* Cơ cấu DMT theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và vị thuốc cổ truyền:

Bảng 1: Cơ cấu DMT theo thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và vị thuốc cổ truyền.

TT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc hóa dược	809	89,29	97.637.805.783	99,06
2	Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	17	1,88	881.434.860	0,89
3	Vị thuốc cổ truyền	80	8,83	44.998.831	0,05
Tổng		906	100,00	98.564.239.474	100,00

DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021 có giá trị sử dụng khoảng 98,5 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là thuốc hóa dược (89,22%) về số khoản mục và 99,06% về giá trị. Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền chiếm 1,88% về số khoản mục và 0,89% về giá trị, còn lại là các vị thuốc cổ truyền chiếm 8,83% về số khoản mục và 0,05% về giá trị. Tỷ lệ này phù hợp với nghiên cứu của Mai Huyền Trang (thuốc hóa dược chiếm 82,29% về số

khoản mục và 97,81% về giá trị) [7] và tính chất của BVĐK tỉnh Quảng Ninh là BVĐK hạng I, tuyến cuối của tỉnh nên đa số bệnh nhân là những trường hợp bệnh nặng, tình trạng bệnh diễn biến phức tạp. Đặc biệt, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 trong năm 2021 nên số lượng bệnh nhân nhẹ, điều trị bằng y học cổ truyền tại bệnh viện nói riêng và các bệnh viện trên cả nước nói chung đều có xu hướng giảm mạnh.

\* Cơ cấu DMT theo nhóm tác dụng:

- Cơ cấu DMT hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý:

**Bảng 2: Cơ cấu DMT hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý.**

TT	Nhóm tác dụng dược lý	Số khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	195	24,10	27.340.696.129	28,00
2	Thuốc tác dụng với máu	40	4,94	18.536.617.180	18,99
3	Thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch	56	6,92	9.677.848.812	9,91
4	Thuốc tim mạch	98	12,11	8.483.425.567	8,69
5	Hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	51	6,30	5.636.267.695	5,77
6	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid base và các dung dịch tiêm truyền khác	33	4,08	5.613.791.892	5,75
7	Thuốc đường tiêu hóa	49	6,06	4.506.767.051	4,62
8	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giảm giãn cơ	45	5,56	4.061.040.495	4,16
9	Thuốc dùng chẩn đoán	8	0,99	3.335.753.048	3,42
10	Các thuốc NSAIDs, thuốc điều trị bệnh gút và các bệnh xương khớp	44	5,44	2.258.505.822	2,31
11	Thuốc điều trị bệnh về mắt, tai mũi họng	21	2,60	1.662.521.672	1,70
12	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	25	3,09	1.603.315.259	1,67
13	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động trên hệ thần kinh	28	3,46	1.548.511.883	1,59
14	Thuốc lợi tiểu	8	0,99	538.481.631	0,55
15	Vitamin và khoáng chất	17	2,10	511.511.309	0,52
16	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	14	1,73	511.247.453	0,52
17	Thuốc điều trị bệnh da liễu	21	2,60	462.720.088	0,47
18	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	4	0,49	299.169.058	0,31
19	Thuốc chống dị ứng và dùng trong trường hợp quá mẫn	19	2,35	236.479.088	0,24
20	Các nhóm khác (8 nhóm)	33	4,07	786.257.701	0,81
Tổng		809	100,00	97.637.805.783	100,00

Thuốc hóa dược của bệnh viện được chia thành 27 nhóm tác dụng dược lý. Trong đó, nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về số khoản mục (24,10%) và giá trị (28,00%, với khoảng hơn 27,3 tỷ đồng). Đứng thứ hai về giá trị là nhóm thuốc tác dụng đối với máu, thứ ba là nhóm thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Mai Huyền Trang [7]. Tuy nhiên, cơ cấu DMT hóa dược của bệnh viện còn có những bất cập nhất định so với mô hình bệnh tật của bệnh viện năm 2021 [2] (trong đó 3 nhóm bệnh có số lượng bệnh nhân

đến khám và điều trị cao nhất là nhóm bệnh của hệ hô hấp, hệ tuần hoàn và hệ tiêu hóa, các bệnh nhiễm khuẩn và ký sinh trùng chỉ đứng vị trí thứ 4). Mặc dù tỷ lệ bệnh nhân đến khám bệnh về hệ hô hấp cao nhất có thể một phần nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nhưng bệnh viện nên cân nhắc cần có những nghiên cứu, phân tích về tình hình sử dụng kháng sinh của bệnh viện nhằm đánh giá thực trạng sử dụng kháng sinh tại bệnh viện, làm cơ sở cho việc sử dụng kháng sinh hợp lý hơn trong những năm tiếp theo.

- Cơ cấu DMT dược liệu và thuốc cổ truyền theo lý luận y học cổ truyền:

Bảng 3: Cơ cấu DMT dược liệu, thuốc cổ truyền theo lý luận y học cổ truyền.

TT	Phân nhóm theo lý luận y học cổ truyền	Số khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm thuốc chữa các bệnh về phế	6	35,29	516.453.110	58,59
2	Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm	4	23,53	130.300.444	14,78
3	Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy	3	17,65	125.211.101	14,21
4	Nhóm thuốc khu phong, trừ thấp	2	11,76	59.461.620	6,75
5	Hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	2	11,76	50.008.585	5,67
Tổng		17	100,00	881.434.860	100,00

Các thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền của bệnh viện có 17 khoản mục và được chia thành 5 nhóm, trong đó nhóm thuốc chữa bệnh về phế có số khoản mục và giá trị cao nhất (6 khoản mục chiếm 58,59% giá trị trong tổng giá trị của nhóm). Giai đoạn cuối năm 2021, số lượng bệnh nhân đến khám hậu COVID-19 chiếm tỷ lệ cao, bên cạnh việc sử dụng thuốc hóa dược, các bác sĩ đã ưu tiên sử dụng nhóm thuốc chữa bệnh về phế cho bệnh nhân, do đó nhóm thuốc này chiếm tỷ lệ khoản mục và giá trị cao nhất [2]. Nhóm thuốc khu phong trừ thấp và nhóm thuốc chữa bệnh về dương, về khí điều chỉ có 2 khoản mục (tương ứng 6,75% và 5,67% về giá trị).

\* *Cơ cấu DMT theo nguồn gốc, xuất xứ:*

Trong tổng số 826 khoản mục thuốc hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền sử dụng tại bệnh viện năm 2021, thuốc sản xuất trong nước chiếm 48,91% về số khoản mục và 38,37% về giá trị, trong khi thuốc nhập khẩu chiếm 51,09% về số khoản mục nhưng chiếm 61,63% về giá trị. Tỷ lệ sử dụng thuốc nhập khẩu tại bệnh viện có xu hướng giảm so với nghiên cứu

tại bệnh viện năm 2017 cả về số khoản mục và giá trị (với 54,35% về số khoản mục và 72,52% về giá trị) [7] và thấp hơn so với nghiên cứu tại BVĐK tỉnh Thái Bình năm 2018 - 2019 (với 56,78% về số khoản mục và 72,87% về giá trị) [5], BVĐK tỉnh Hòa Bình năm 2018 (với 66,25% về giá trị) [6], Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An (với 80,07% về giá trị) [8] đã cho thấy những thay đổi của bệnh viện trong việc ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước nhằm góp phần thực hiện chủ trương của Bộ Y tế theo Quyết định số 4824/QĐ-BYT (2012) [3] và làm giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân.

\* *Cơ cấu DMT hóa dược theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic:*

Tiến hành phân tích 809 thuốc hóa dược trong DMT bệnh viện theo thuốc biệt dược gốc và thuốc generic cho thấy, các thuốc biệt dược gốc chiếm 16,71% về số khoản mục và 23,81% về giá trị. Đối chiếu với Công văn số 3968/BHXH-DVT (2017) của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thống nhất tỷ lệ sử dụng biệt dược gốc tại các cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ: Đối với bệnh viện hạng I



trực thuộc sở y tế các tỉnh, thành phố và các cơ sở khám chữa bệnh tương đương không quá 25% so với tổng chi tiền thuốc [1], BVĐK tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng thuốc biệt dược gốc tại bệnh viện còn cao hơn so với nghiên cứu tại BVĐK tỉnh Thái Bình (với 13,08% về số khoản mục và 19,30% về giá trị) [5]. Các thuốc biệt dược gốc thường có giá thành cao hơn so với các thuốc generic. Vì vậy, bệnh viện nên tiếp tục quan tâm chỉ đạo để hạn chế sử dụng thuốc biệt dược gốc nhằm giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân.

*\* Cơ cấu DMT hóa dược theo thành phần:*

Thuốc đơn thành phần chiếm tỷ lệ lớn cả về số khoản mục (82,93%) và giá trị (77,72%). Với tỷ lệ số khoản mục và giá trị như vậy, năm 2021 BVĐK tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tương đối tốt chủ trương của Bộ Y tế tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT về ưu tiên sử dụng thuốc ở dạng đơn chất [4]. Tuy nhiên, so với kết quả nghiên cứu tại Bệnh viện năm 2017 (tỷ lệ sử dụng thuốc đơn thành phần chiếm 89,61% về số khoản mục và 80,13% về giá trị) [7] thì tỷ lệ này của Bệnh viện năm 2021 có xu hướng giảm. Vì vậy,

Bệnh viện nên xem xét để có biện pháp giảm tỷ lệ sử dụng các thuốc đa thành phần trong những năm tiếp theo. Các thuốc đa thành phần thường được phối hợp nhằm tăng hiệu quả điều trị, giảm số lượng thuốc phải dùng cho bệnh nhân. Tuy nhiên, giá thành các thuốc này thường cao hơn so với thuốc đơn chất. Hơn nữa, việc sử dụng thuốc đa thành phần còn gây khó khăn trong việc hiệu chỉnh liều.

*\* Cơ cấu DMT theo đường dùng:*

Các thuốc đường uống trong DMT Bệnh viện chiếm tỷ trọng lớn nhất về số khoản mục (48,18%) nhưng chỉ chiếm 29,55% về giá trị, trong khi đó, các thuốc đường tiêm, tiêm truyền chiếm tỷ lệ 42,13% về số khoản mục nhưng lại chiếm tỷ lệ cao nhất về giá trị (65,10%). Còn lại là các đường dùng khác. Việc tỷ lệ giá trị sử dụng thuốc tiêm, tiêm truyền tại Bệnh viện năm 2021 có xu hướng giảm so với năm 2017 (với 72,02%) [7] cho thấy những thay đổi tích cực của Bệnh viện nhằm giảm bớt tình trạng lạm dụng thuốc tiêm, tiêm truyền. Tuy nhiên, tăng cường kiểm soát việc sử dụng thuốc tiêm, tiêm truyền tại bệnh viện vẫn là vấn đề cần được quan tâm trong giai đoạn tiếp theo.

**2. Kết quả phân tích DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021 theo phân loại ABC/VEN**

Tiến hành phân tích DMT hóa dược, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021 theo phân loại ABC/VEN thu được các kết quả sau:

\* *Kết quả phân tích DMT theo phân loại ABC:*

- Cơ cấu DMT theo phân loại ABC:

Bảng 4: Cơ cấu DMT theo phân loại ABC.

Nhóm	Số khoản mục		GTTT	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	127	15,38	78.639.447.125	79,82
B	165	19,98	14.923.054.025	15,15
C	534	64,64	4.956.739.493	5,03
Tổng	826	100,00	98.519.240.643	100,00

Nhóm A chiếm 15,38% về số khoản mục và 79,82% về giá trị, nhóm B chiếm 19,98% về số khoản mục và 15,15% về giá trị, nhóm C chiếm 64,64% về số khoản mục và 5,03% về giá trị. Như vậy, việc sử dụng thuốc tại Bệnh viện là tương đối phù hợp với khuyến cáo [4]. Kết quả phân tích này tương đồng với kết quả nghiên cứu năm 2017 tại Bệnh viện, nhóm A chiếm 16,62% về số khoản mục và 79,98% về giá trị, nhóm B chiếm 15,01% về số khoản mục và 19,71% về giá trị, nhóm C chiếm 63,67% số khoản mục và 5,01% về giá trị [7].

\* *Kết quả phân tích DMT theo phân loại VEN*

Bảng 5: Cơ cấu DMT theo phân loại VEN.

STT	Nhóm	Số khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	V	116	14,04	15.571.287.969	15,81
2	E	516	62,47	68.955.421.122	69,99
3	N	194	23,49	13.992.531.522	14,20
Tổng		826	100,00	98.519.240.643	100,00

Các thuốc nhóm V chiếm tỷ lệ thấp nhất về số khoản mục (14,04%) nhưng lại đứng thứ 2 về giá trị (15,81%), các thuốc nhóm E chiếm tỷ lệ cao nhất cả về số khoản mục (62,47%) và giá trị (69,99%), các thuốc nhóm N chiếm 23,49% về số khoản mục nhưng chiếm 14,20% về giá trị. Về giá trị sử dụng của nhóm N so với kết quả của năm 2017 (chiếm 19,25%) [7] cho thấy, Bệnh viện đã có những điều chỉnh nhằm xây dựng DMT phù hợp hơn, kiểm soát tốt hơn tỷ lệ sử dụng các thuốc nhóm N.

Mặc dù việc phân chia DMT theo VEN còn tùy thuộc nhiều vào từng bệnh viện nhưng khi so sánh với BVĐK tỉnh Thái Bình năm 2018 - 2019 (tỷ lệ giá trị sử dụng các thuốc nhóm N chỉ chiếm 2,32%) [5] thì BVĐK tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục quan tâm xem xét loại bỏ những thuốc thuộc nhóm N nếu không thực sự cần thiết và không phù hợp với các điều kiện của bệnh viện nhằm tiết kiệm hơn nguồn ngân sách mà vẫn đảm bảo quyền lợi cho bệnh nhân tham gia bảo hiểm y tế.

\* *Kết quả phân tích DMT theo ma trận ABC/VEN:*

Bảng 6: Cơ cấu DMT theo ma trận ABC/VEN.

STT	Nhóm	Số khoản mục		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Quan trọng nhất (nhóm I)	224	27,12	81.978.755.466	83,21
2	Quan trọng (nhóm II)	479	57,99	15.054.649.990	15,28
3	Ít quan trọng (nhóm III)	123	14,89	1.485.835.187	1,51
Tổng		826	100,00	98.519.240.643	100,00

Các thuốc nhóm I (AV, BV, CV, AE, AN) chiếm chủ yếu về giá trị với 83,21% nhưng chỉ chiếm 27,12% về số khoản mục. Đây là nhóm cần đặc biệt quan tâm, ưu tiên kiểm soát chặt chẽ để giữ ổn định ngân sách hằng năm, sẵn sàng cung ứng kịp thời và đầy đủ. Các thuốc nhóm II (BE, BN, CE) chiếm 57,99% về số khoản mục tương ứng 15,28% về giá trị. Tỷ lệ này là hợp lý vì tiểu nhóm CE là nhóm có số lượng thuốc lớn trong DMT (343 khoản mục). Tuy mức độ quan trọng ít hơn nhóm I nhưng cũng là nhóm thuốc cần quản lý tốt vì sử dụng ngân sách tương đối lớn và cần thiết cho điều trị. Các thuốc nhóm III (CN) chiếm tỷ lệ thấp nhất về số khoản mục (14,89%) và chỉ chiếm 1,51% về giá trị. Đây là nhóm cần được bệnh viện quan tâm để giảm bớt sử dụng hoặc loại bỏ một số thuốc không cần thiết đối với yêu cầu điều trị của Bệnh viện.

### **KẾT LUẬN**

Chúng tôi đã phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021, gồm 906 khoản mục với tổng giá trị hơn 98,5 tỷ đồng. Trong đó, các thuốc hóa dược chiếm tỷ lệ chủ yếu (89,29% về số khoản mục và 99,06% về giá trị), được chia thành 27 nhóm tác dụng dược lý, các thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền có 17 khoản mục

và được chia thành 5 nhóm theo lý luận y học cổ truyền. Các thuốc nhập khẩu vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn thuốc sản xuất trong nước cả về số khoản mục và giá trị tiền thuốc. Các thuốc biệt dược gốc, thuốc đa thành phần, thuốc dùng đường tiêm, tiêm truyền còn chiếm tỷ lệ cao nên cần có biện pháp giảm tỷ lệ trong những năm tiếp theo.

DMT sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Ninh năm 2021 theo phân loại ABC/VEN: Tỷ lệ số khoản mục và giá trị của các thuốc nhóm A, B, C là tương đối phù hợp với khuyến cáo. Các thuốc nhóm N theo phân loại VEN còn chiếm tỷ lệ cao nên cần được xem xét loại bỏ bớt một cách phù hợp. Các thuốc nhóm I chiếm 27,12% về số số khoản mục và 83,21% về giá trị, các thuốc nhóm II chiếm 57,99% về số khoản mục và 15,28% về giá trị, các thuốc nhóm III chiếm 14,89% về số khoản mục và 1,51% về giá trị.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2017). Công văn số 3968/BHXH-DVT ngày 08/9/2017, về việc thống nhất tỷ lệ sử dụng biệt dược gốc tại các cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ.
2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (2021). Báo cáo tổng kết công tác bệnh viện.

3. Bộ Y tế (2012). Quyết định 4824/QĐ-BYT ngày 03/12/2012, phê duyệt đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam".
4. Bộ Y tế (2013). Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và Điều trị trong bệnh viện.
5. Lã Thị Quỳnh Liên, Nguyễn Mai Anh (2022). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018 - 2019. *Tạp chí Y học Việt Nam*; 514(2) tháng 5:293-297.
6. Cao Thị Thu Trang (2019). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình năm 2018. *Luận văn Dược sĩ chuyên khoa cấp I*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
7. Mai Huyền Trang (2018). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2017. *Luận văn Dược sĩ chuyên khoa cấp I*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
8. Lương Quốc Tuấn (2018). Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2016. *Luận văn Dược sĩ chuyên khoa cấp II*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
9. WHO (2017). Model list of Essential medicines (EML) 20<sup>th</sup>.